



Danh Sách
117 Thánh Tử Đạo Việt Nam
117 Vietnamese Martyrs

Mừng Lễ Tạ Ơn đến tất cả
Anh Chị Em Cùng Gia Đình !

Mến Chúc mọi người luôn sống với con tim
biết ơn với Thiên Chúa và với tha nhân.

CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM (Lc 9,23-26)



Prepared for internet by Vietnamese Missionaries in Taiwan



Danh Sách 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam, được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II Tuyên Phong Thánh tại Rôma ngày 19/06/1988:

- 1. Anrê Trần An Dũng Lạc**, Sinh năm 1795 tại Bắc Ninh, Linh mục, bị xử trảm ngày 21/12/1839 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 21/12.
- 2. Anrê Nguyễn Kim Thông (Năm Thuông)**, Sinh năm 1790 tại Gò Thị, Bình Định, Thầy giảng, chết rũ tù ngày 15/07/1855 tại Mỹ Tho dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 15/07.
- 3. Anrê Trần Văn Trọng**, Sinh năm 1808 tại Kim Long, Huế, Binh Sĩ, bị xử trảm ngày 28/11/1835 tại An Hòa dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 28/11.
- 4. Anrê Tường**, Sinh tại Ngọc Cục, Xuân Trường, Giáo dân, bị xử trảm ngày 16/06/1862 tại làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 16/06.
- 5. Antôn Nguyễn Đích**, Sinh tại Chi Long, Nam Định, Giáo dân, bị xử trảm ngày 12/08/1838 tại Bầy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 12/08.

6. Antôn Nguyễn Hữu Quỳnh (Năm), Sinh năm 1768 tại Mỹ Hương, Quảng Bình, Y sĩ, bị xử giảo ngày 10/07/1840 tại Đồng Hới dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 10/07.

7. Augustinô Schoeffler (Đông), Sinh năm 1822 tại Mittelbonn, Nancy, Pháp, Linh Mục Thừa sai người Pháp, Hội Thừa Sai Paris, bị xử trảm ngày 1/05/1851 tại Sơn Tây dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Lêô XIII, lễ kính vào ngày 1/05.

8. Augustinô Phan Viết Huy, Sinh năm 1795 tại Hạ Linh, Bùi Chu, Binh Sĩ, Giáo dân dòng ba, bị xử lăng trì ngày 12/06/1839 tại Thừa Thiên dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 12/06.

9. Augustinô Nguyễn Văn Mới, Sinh năm 1806 tại Phù Trang, Nam Định, Giáo dân, dòng ba Đa Minh, bị xử giảo ngày 19/12/1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 19/12.

10. Bênadô Vũ Văn Duệ, Sinh năm 1755 tại Quần Anh, Nam Định, Linh mục triều, bị xử trảm ngày 1/08/1838 tại Ba Tòa dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 1/08

11. Đa-Minh Cẩm, Sinh tại Cẩm Chương, Bắc Ninh, Linh mục, Dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 11/03/1859 tại Hưng Yên dưới thời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 11/03.

12. Đa-Minh Đình Đạt, Sinh năm 1803 tại Phú Nhai, Bùi Chu, Binh Sĩ, Giáo dân dòng ba, bị xử giảo ngày 18/07/1839 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 18/07.

13. Đa-Minh Nguyễn Văn Hạnh (Diệu), Sinh năm 1772 tại Năng A, Nghệ An, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 1/08/1838 tại Ba Tòa dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 1/08.

14. Đa-Minh Huyện, Sinh tại Đông Thành, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sống ngày 5/06/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 5/06.

15. Đa-Minh Phạm Viết Khâm (Án Trọng), Sinh tại Quần Cống, Nam Định, Quan Án, Giáo dân Dòng Ba Đa Minh, bị xử giảo ngày 13/01/1859 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 13/01.

16. Đa-Minh Nguyễn Đức Mạo, Sinh tại Phú Yên, Ngọc Cục, Giáo dân, bị xử trảm ngày 16/06/1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 16/06.

17. Đa-Minh Hà Trọng Mậu, Sinh tại Phú Nhai, Bùi Chu, Linh mục Dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 5/11/1858 tại Hưng Yên dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 5/11.

18. Đa-Minh Nguyên, Sinh tại Ngọc Cục, Nam Định, Giáo dân, bị xử trảm ngày 16/06/1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 16/06.

19. Đa-Minh Nhi, Sinh tại Ngọc Cục, Nam Định, Giáo dân, bị xử trảm ngày 16/06/1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 16/06.

20. Đa-Minh Ninh, Sinh năm 1835 tại Trung Linh, Nam Định, Giáo dân, bị xử trảm ngày 2/06/1862 tại An Triêm dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 2/06.

21. Đa-Minh Toái, Sinh tại Đông Thành, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sống ngày 5/06/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 5/06.

22. Đa-Minh Trạch (Đoài), Sinh năm 1792 tại Ngoại Bồi, Nam Định, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 18/09/1840 tại Bấy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 18/09.

23. Đa-Minh Vũ Đình Tước, Sinh năm 1775 tại Trung Lao, Bùi Chu, Linh mục dòng Đa Minh, bị tra tấn đến chết ngày 2/04/1839 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 2/04.

24. Đa-Minh Bùi Văn Ủy, Sinh năm 1801 tại Tiên Môn, Thái Bình, Thầy giảng dòng ba Đa Minh, bị xử giảo ngày 19/12/1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 19/12.

25. Đa-Minh Nguyễn Văn Xuyên (Đoàn), Sinh năm 1786 tại Hưng Lập, Nam Định, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 26/11/1839 tại Bấy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 26/11.

26. Đức Cha Đa-Minh Xuân (Dominicus Henarès), Sinh năm 1765 tại Baena, Cordova, Tây Ban Nha, dòng Đa Minh, Giám mục thừa sai người Tây Ban Nha, phụ tá địa phận Đông Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 25/06/1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 25/06.

27. Đức Cha Giêrônimô Liêm (Hieronymus Hermosilla), Sinh năm 1800 tại S. Domingo de la Calzadar, Tây Ban Nha, dòng Đa Minh, Giám mục thừa sai người Tây Ban Nha, địa phận Đông Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 1/11/1861 tại Hải Dương dưới thời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 15/04/1906 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 1/11.

28. Đức Cha Giuse An (Maria Diaz Sanjurjo), Sinh năm 1818 tại Santa Eulalia de Suegos, Tây Ban Nha, dòng Đa Minh, Giám mục thừa sai người Tây Ban Nha, bị xử trảm ngày 20/07/1857 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1900 do Đức Piô XII, lễ kính ngày 20/07.

29. Đức Cha Clêmentê Inhaxiô Hy (Ignatius delgado), Sinh năm 1761 tại Villa Felice, Tây Ban Nha, dòng Đa Minh, Giám mục thừa sai người Tây Ban Nha, địa phận Đông Đàng Ngoài, bị chết rũ tù ngày 12/07/1838 (21/6/1838 (âm lịch) tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 12/07.

30. Đức Cha Melchor Xuyên (Garcia Sampedro), Sinh năm 1821 tại Cortes Asturias, Tây Ban Nha, dòng Đa Minh, Giám mục thừa sai người Tây Ban Nha, bị xử lăng trì ngày 28/07/1858 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951, do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 28/07.

31. Đức Cha Phêrô Cao (Pierre Rose Dumoulin Borie), Sinh năm 1808 tại Beynat, Tulle, Pháp, Giám mục Hội Thừa Sai Paris, địa phận Tây Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 24/11/1838 tại Đồng Hới dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 24/11.

32. Đức Cha Thê (Etienne Théodore Cuénot), Sinh năm 1802 tại Belieu, Besancon, Pháp, Giám mục Hội Thừa Sai Paris, địa phận Đông Đàng Trong, chết rũ tù ngày 14/11/1861 tại Bình Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 14/11.

33. Đức Cha Vinh (Berrio Ochoa), Sinh năm 1827 tại Elorrio (Vizcaya), Tây Ban Nha, dòng Đa Minh, Giám mục thừa sai người Tây Ban Nha, địa phận Đông Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 1/11/1861 tại Hải Dương dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 15/04/1906 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 1/11.

34. Emmanuel Lê Văn Phụng, Sinh năm 1796 tại Đầu Nước, Cù Lao Giêng, Giáo dân, Trùm Họ, bị xử trảm ngày 31/07/1859 tại Châu Đốc dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 31/07.

35. Emmanuel Nguyễn Văn Triệu, Sinh năm 1756 tại Thọ Đức, Phú Xuân, Huế, Linh mục, bị xử trảm ngày 17/09/1798 tại Bãi Dâu dưới đời vua Cảnh Thịnh, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 17/09.

36. Giacôbê Đỗ Mai Năm, Sinh năm 1781 tại Đông Biên, Thanh Hóa, Linh mục, bị xử trảm ngày 12/08/1838 tại Bấy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 12/08.

37. Gioan Baotixita Côn, Sinh năm 1805 tại Kẻ Bàng, Nam Định, Giáo dân, Lý Trường, bị xử trảm ngày 8/11/1840 tại Bầy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 8/11.

38. Gioan Baotixita Đinh Văn Thành, Sinh năm 1796 tại Nộn Khê, Ninh Bình, Thầy giảng, bị xử trảm ngày 28/04/1840 tại Ninh Bình dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 28/04.

39. Gioan Đạt, Sinh năm 1765 tại Đồng Chuối, Thanh Hóa, Linh mục, bị xử trảm ngày 28/10/1798 tại Chợ Rạ dưới đời vua Cảnh Thịnh, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 28/10.

40. Gioan Đoàn Trinh Hoan, Sinh năm 1798 tại Kim Long, Thừa Thiên, Linh mục, bị xử trảm ngày 26/05/1861 tại Đồng Hới dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 26/05.

41. Gioan Hường (Jean Louis Bonnard), Sinh năm 1824 tại Saint Christo en Jarez, Pháp, Linh Mục Hội Thừa sai Paris, địa phận Tây Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 1/05/1852 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 1/05.

42. Gioan Tân (Jean Charles Cornay), Sinh năm 1809 tại Loudun, Poitiers, Pháp, Linh Mục Hội Thừa sai Paris, địa phận Tây Đàng Ngoài, bị xử lạng tri ngày 20/09/1837 tại Sơn Tây dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 20/05.

43. Gioan Ven (Jean Théophane Vénard), Sinh năm 1829 tại St. Loup-sur-Thouet, Poitiersm, Pháp, Linh Mục Hội Thừa sai Paris, địa phận Tây Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 2/02/1861 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 2/02.

44. Giuse Hoàng Lương Cảnh, Sinh năm 1763 tại Làng Ván, Bắc Giang, Giáo dân dòng ba Đa Minh, Trùm Họ, Y Sĩ, xử trảm ngày 5/09/1838 tại Bắc Ninh dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 5/09.

45. Giuse Du (Joseph Marchand), Sinh năm 1803 tại Passavaut, Besancon, Pháp, Linh Mục Hội Thừa sai Paris, địa phận Đàng Ngoài, bị xử hình bá đao ngày 30/11/1835 tại Thọ Đức dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 30/11.

46. Giuse Đỗ Quang Hiện, Sinh năm 1775 tại Quần Anh, Nam Định, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 9/05/1840 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 9/05.

47. Giuse Hiền (Joseph Fernandez), Sinh năm 1775 tại Ventosa de la Cueva, Tây Ban Nha, Linh Mục dòng Đa Minh, thừa sai người Tây Ban Nha, địa phận Đông Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 24/07/1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 24/07.

48. Giuse Nguyễn Duy Khang, Sinh năm 1832 tại Trà Vi, Nam Định, Thầy giảng dòng ba Đa Minh, bị xử trảm ngày 6/12/1861 tại Hải Dương dưới đời vua Thiệu Trị, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 6/12.

49. Giuse Nguyễn Văn Lựu, Sinh năm 1790 tại Cái Nhum, Vĩnh Long, Trùm họ, chết rũ tù ngày 2/05/1854 tại Vĩnh Long dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 2/05.

50. Giuse Nguyễn Đình Nghi, Sinh năm 1771 tại Kẻ Vớ, Hà Nội, Linh mục, bị xử trảm ngày 8/11/1840 tại Bầy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 8/11.

51. Giuse Phạm Trọng Tả (Cai), Sinh năm 1796 tại Quần Cống, Nam Định, Giáo dân, Cai Tổng, bị xử giáo ngày 13/01/1859 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 27/05/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 13/01.

52. Giuse Lê Đăng Thị, Sinh năm 1825 tại Kê Văn, Quảng Trị, Giáo dân, Cai Đội, bị xử giáo ngày 24/10/1860 tại An Hòa dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 24/10.

53. Giuse Tuân, Sinh năm 1821 tại Trần Xá, Hưng Yên, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 30/04/1861 tại Hưng Yên dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 30/04.

54. Giuse Trần Văn Tuấn, Sinh năm 1825 tại Nam Điền, Nam Định, Giáo dân, bị xử trảm ngày 7/01/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 7/01.

55. Giuse Túc, Sinh năm 1852 tại Hoàng Xá, Bắc Ninh, Giáo dân, bị xử trảm ngày 1/06/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 1/06.

56. Giuse Nguyễn Đình Uyển, Sinh năm 1775 tại Ninh Cường, Nam Định, Thầy giảng, dòng ba Đa Minh, chết rũ tù ngày 4/7/1838 tại Hưng Yên dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 4/07.

57. Giuse Đặng Đình Viên, Sinh năm 1787 tại Tiên Chu, Hưng Yên, Linh mục triều, bị xử trảm ngày 21/8/1838 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 21/08.

58. Henricô Gia (Henricus Castaneda), Sinh năm 1743 tại Javita, Tây Ban Nha, Linh Mục dòng Đa Minh, thừa sai người Tây Ban Nha, địa phận Đông Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 7/11/1773 tại Đồng Mờ dưới đời Chúa Trịnh Sâm, được phong Chân Phước ngày 15/04/1906 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 7/11.

59. Inê Lê Thị Thành (Đệ), Sinh năm 1781 tại Bái Đền, Thanh Hóa, Giáo dân, chết rũ tù ngày 12/07/1841 tại Nam Định dưới đời vua Thiệu Trị, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 12/07.



60. Lôrensô Nguyễn Văn Hưởng, Sinh năm 1802 tại Kẻ Sài, Hà Nội, Linh mục, bị xử trảm ngày 13/02/1856 tại Ninh Bình dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 13/02.

61. Lôrensô Ngôn, Sinh tại Lục Thủy, Nam Định, Giáo dân, bị xử trảm ngày 22/05/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 22/05.

62. Luca Vũ Bá Loan, Sinh năm 1756 tại Trại Bút, Phú Đa, Linh mục, bị xử trảm ngày 5/06/1840 Ô Cầu Giấy dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 5/06.

63. Luca Phạm Viết Thìn (Cai), Sinh năm 1819 tại Quần Cống, Nam Định, Giáo dân, Cai Tổng, bị xử giáo ngày 13/01/1859 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 13/01.

64. Matthêu Nguyễn Văn Phương (Đắc), Sinh năm 1808 tại Kẻ Lái, Quảng Bình, Trùm họ, bị xử trảm ngày 26/05/1861 tại Đồng Hới dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 26/05.

65. Matthêu Đậu (Matthaeus Alonso Leciniana), Sinh năm 1702 tại Nava del Rey, Tây Ban Nha, Linh Mục dòng Đa Minh, thừa sai người Tây Ban Nha, địa phận Đông Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 22/01/1745 tại Thăng Long dưới đời chúa Trịnh Doanh, được phong Chân Phước ngày 15/04/1906 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 22/01.

66. Matthêu Lê Văn Gấm, Sinh năm 1813 tại Gò Công, Biên Hòa, Giáo dân, Thương gia, bị xử trảm ngày 11/05/1847 tại Chợ Đũi dưới đời vua Thiệu Trị, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 11/05.

67. Martinô Tạ Đức Thịnh, Sinh năm 1760 tại Kẻ Sặt, Hà Nội, Linh mục, bị xử trảm ngày 8/11/1840 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 8/11.

68. Martinô Thọ, Sinh năm 1787 tại Kẻ Bàng, Nam Định, Giáo dân, Trùm họ, bị xử trảm ngày 8/11/1840 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 8/11.

69. Micae Hồ Đình Hy, Sinh năm 1808 tại Như Lâm, Thừa Thiên, Giáo dân, Quan Thái Bộc, bị xử trảm ngày 22/05/1857 tại An Hòa dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 22/05.

70. Micae Nguyễn Huy Mỹ, Sinh năm 1804 tại Kẻ Vĩnh, Hà Nội, Giáo dân, Lý Trường, bị xử trảm ngày 12/08/1838 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 12/08.

71. Nicôla Bùi Đức Thê, Sinh năm 1792 tại Kiên Trung, Bùi Chu, Giáo dân, Binh sĩ, bị lừng trảm ngày 12/06/1839 tại Thừa Thiên dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 12/06.

72. Phanxicô Đỗ Văn Chiêu, Sinh năm 1797 tại Trung Lễ, Liên Thủy, Nam Định, Thầy giảng, bị xử trảm ngày 25/06/1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 25/06.

73. Phanxicô Kính (Francois Isidore Gagelin), Sinh năm 1799 tại Montperreux, Besancon, Pháp, Linh mục Thừa sai Paris, địa phận Đàng Trong, bị xử giáo ngày 17/10/1833 tại Bãi Dâu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 17/10.

74. Phanxicô Phan (Francois Jaccard), Sinh năm 1799 tại Onnion, Annecy, Pháp, Linh mục Hội Thừa sai Paris, địa phận Đàng Trong, bị xử giáo ngày 21/09/1838 tại Nhan Biều dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 21/09.

75. Phanxicô Tê (Francois Gil de Federich), Sinh năm 1702 tại Tortosa, Catalunha, Tây Ban Nha, Linh mục dòng Đa Minh, thừa sai người Tây Ban Nha, địa phận Đông Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 22/01/1745 tại Thăng Long dưới đời chúa Trịnh Doanh, được phong Chân Phước ngày 15/04/1906 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 22/01.

76. Phanxicô Trần Văn Trung, Sinh năm 1825 tại Phan Xá, Quảng Trị, Giáo dân, Cai đội, bị xử trảm ngày 6/10/1858 tại An Hòa dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 6/10.

77. Phanxicô Xaviê Cầm, Sinh năm 1803 tại Sơn Miêng, Hà Đông, Thầy giảng, bị xử giáo ngày 20/11/1837 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 20/11.

78. Phanxicô Xaviê Hà Trọng Mậu, Sinh năm 1794 tại Kẻ Điều, Thầy giảng, dòng ba Đa Minh, bị xử giáo ngày 19/12/1839 tại Cô Mê dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 19/12.

79. Phaolô Tổng Viết Bường, Sinh tại Phủ Cam, Huế, Giáo dân, Quan Thị Vệ, bị xử trảm ngày 23/10/1833 tại Thọ Đức dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 23/10.

80. Phaolô Dương (Đông), Sinh năm 1792 tại Vực Đường, Hưng Yên, Giáo dân, Trùm họ, bị xử trảm ngày 3/06/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 3/06.

81. Phaolô Hạnh, Sinh năm 1826 tại Chợ Quán, Giáo dân, bị xử trảm ngày 28/05/1859 tại Nam Việt dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 28/05.

82. Phaolô Phạm Khắc Khoan, Sinh năm 1771 tại Duyên Mậu, Ninh Bình, Linh mục, bị xử trảm ngày 28/04/1840 tại Ninh Bình dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 28/04.

83. Phaolô Lê Văn Lộc, Sinh năm 1830 tại An Nhơn, Gia Định, Linh mục, bị xử trảm ngày 13/02/1859 tại Gia Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 13/02.

84. Phaolô Nguyễn Văn Mỹ, Sinh năm 1798 tại Kẻ Non, Hà Nam, Thầy giảng, bị xử giáo ngày 18/12/1838 tại Sơn Tây dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 18/12.

85. Phaolô Nguyễn Ngân, Sinh năm 1771 tại Kẻ Bền, Thanh Hóa, Linh mục, bị xử trảm ngày 8/11/1840 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 8/11.

86. Phaolô Lê Bảo Tịnh, Sinh năm 1793 tại Trịnh Hà, Thanh Hóa, Linh mục, bị xử trảm ngày 6/04/1857 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 6/04.

87. Phêrô Bắc (Pierre Francois Neron), Sinh năm 1818 tại Bornay, Saint-Claude, Pháp, Linh mục Hội Thừa sai Paris, địa phận Tây Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 3/11/1860 tại Sơn Tây dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 3/11.

88. Phêrô Bình (Petrus Almato), Sinh năm 1830 tại San Feliz Saserra, Tây Ban Nha, Linh mục dòng Đa Minh, thừa sai người Tây Ban Nha, địa phận Đông Đàng Ngoài, bị xử trảm ngày 1/11/1861 tại Hải Dương dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 15/04/1906 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 1/11.

89. Phêrô Dũng, Sinh tại Đông Hào, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sống ngày 6/06/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 6/06.

90. Phêrô Đa, Sinh tại Ngọc Cục, Xuân Trường, Giáo dân, bị thiêu sống ngày 17/06/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 17/06.

91. Phêrô Nguyễn Văn Đường, Sinh năm 1808 tại Kẻ Sở, Hà Nam, Thầy giảng, bị xử giáo ngày 18/12/1838 tại Sơn Tây dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 18/12.

92. Phêrô Nguyễn Văn Hiếu, Sinh năm 1783 tại Đồng Chuối, Ninh Bình, Thầy giảng, bị xử trảm ngày 28/04/1840 tại Ninh Bình dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 28/04.

93. Phêrô Phạm Khanh, Sinh năm 1780 tại Hòa Duệ, Nghệ An, Linh mục, bị xử trảm ngày 12/07/1842 tại Hà Tĩnh dưới đời vua Thiệu Trị, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 12/07.

94. Phêrô Võ Đăng Khoa, Sinh năm 1790 tại Thượng Hải, Nghệ An, Linh mục, bị xử giáo ngày 24/11/1838 tại Đồng Hới dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 24/11.

95. Phêrô Nguyễn Văn Lựu, Sinh năm 1812 tại Gò Vấp, Gia Định, Linh mục, bị xử trảm ngày 7/04/1861 tại Mỹ Tho dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 7/04.

96. Phêrô Đoàn Công Quý, Sinh năm 1826 tại Búng, Gia Định, Linh mục, bị xử trảm ngày 31/07/1859 tại Châu Đốc dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909, lễ kính vào ngày 31/07.

97. Phêrô Thuận, Sinh tại Đông Phú, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sống ngày 6/06/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 6/06.

98. Phêrô Phạm Văn Thi, Sinh năm 1763 tại Kẻ Sở, Hà Nội, Linh mục, bị xử trảm ngày 21/12/1839 tại Ô Cầu Giấy dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 21/12.

99. Phêrô Vũ Văn Truật, Sinh năm 1816 tại Kẻ Thiếc, Hà Nam, Thầy giảng, bị xử giáo ngày 18/12/1838 tại Sơn Tây dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 18/12.

100. Phêrô Nguyễn Bá Tuần, Sinh năm 1766 tại Ngọc Đồng, Hưng Yên, Linh mục triều, bị chết rũ tù ngày 15/07/1838 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 15/07.

101. Phêrô Lê Tuyền, Sinh năm 1773 tại Bằng Sở, Hà Đông, Linh mục, bị xử trảm ngày 11/10/1833 tại Quan Ban dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 11/10.

102. Phêrô Nguyễn Khắc Tự, Sinh năm 1811 tại tại Ninh Bình, Thầy giảng, bị xử giáo ngày 10/07/1840 tại Đồng Hới dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 10/07.

103. Phêrô Nguyễn Văn Tự, Sinh năm 1796 tại Ninh Cường, Bùi Chu, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 5/09/1838 tại Bắc Ninh dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 5/09.

104. Phêrô Đoàn Văn Vân, Sinh năm 1780 tại Kẻ Bói, Hà Nam, Thầy giảng, bị xử trảm ngày 25/05/1857 tại Sơn Tây dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 11/04/1909 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 25/05.

105. Philipphê Phan Văn Minh, Sinh năm 1815 tại Cái Mơn, Vĩnh Long, Linh mục, bị xử trảm ngày 3/07/1853 tại Đình Khao dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 3/07.

106. Simon Phan Đắc Hòa, Sinh năm 1787 tại Mai Vĩnh, Thừa Thiên, Giáo dân, Y Sĩ, bị xử trảm ngày 12/12/1840 tại An Hòa dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 12/12.

107. Stêphanô Nguyễn Văn Vinh, Sinh năm 1814 tại Phù Trang, Nam Định, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử giáo ngày 19/12/1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 25/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 19/12.

108. Tôma Đình Viêt Dụ, Sinh năm 1783 tại Phú Nhai, Nam Định, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 26/11/1839 tại Bấy Mẫu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 26/11.

109. Tôma Nguyễn Văn Đệ, Sinh năm 1810 tại Bồ Trang, Nam Định, Giáo dân dòng ba Đa Minh, bị xử giảo ngày 19/12/1839 tại Cổ Mê dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 19/12.

110. Tôma Khuông, Sinh năm 1780 tại Nam Hào, Hưng Yên, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 30/01/1860 tại Hưng Yên dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 30/01.

111. Tôma Trần Văn Thiện, Sinh năm 1820 tại Trung Quán, Quảng Bình, Chứng sinh, bị xử giảo ngày 21/09/1838 tại Nhan Biều dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 21/09.

112. Tôma Toán, Sinh năm 1767 tại Cần Phan, Nam Định, Thầy giảng, dòng ba Đa Minh, bị chết rũ tù ngày 27/07/1840 tại Nam Định dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 27/06.

113. Vincentê Dương, Sinh tại Doãn Trung, Thái Bình, Giáo dân, bị thiêu sống ngày 6/06/1862 tại Nam Định dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 6/06.

114. Vincentê Nguyễn Thế Diêm, Sinh năm 1761 tại Ân Đô, Quảng Trị, Linh mục, bị xử giảo ngày 24/11/1838 tại Đồng Hới dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 24/11.

115. Vincentê Lê Quang Liêm, Sinh năm 1732 tại Trà Lũ, Bùi Chu, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 7/11/1773 tại Đồng Mơ dưới đời chúa Trịnh Sâm, được phong Chân Phước ngày 15/04/1906 do Đức Piô X, lễ kính vào ngày 7/11.

116. Vincentê Tường, Sinh tại Phú Yên, Giáo dân, bị xử ngày 16/6/1862 tại Làng Cốc dưới đời vua Tự Đức, được phong Chân Phước ngày 29/04/1951 do Đức Piô XII, lễ kính vào ngày 16/06.

117. Vincentê Đỗ Yến, Sinh năm 1764 tại Trà Lũ, Phú Nhai, Linh mục dòng Đa Minh, bị xử trảm ngày 30/06/1838 tại Hải Dương dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 30/06.

118. Chân Phước Anrê Phú Yên, Sinh tại tỉnh Phú Yên năm 1625. Rửa tội năm 15 tuổi, cùng lúc với bà mẹ góa và các anh chị, do chính cha Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes). Tử đạo ngày 26 tháng 7 năm 1644. Được phong Chân Phước ngày 5/03/2000 do Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II.



*Ca Đoàn Augustinô Mừng Lễ Tạ Ơn
Các Thánh Tử Đạo Việt Nam - Dallas, Texas 2013*